

Số: 2634 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 15 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận điểm Bổ sung kiến thức cho thí sinh dự tuyển kỳ tuyển sinh Sau đại học đợt 1 năm 2024 của Trường Đại học Vinh

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ ngày 29 tháng 3 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ trên đại học cho Trường ĐHSP Vinh (nay là Trường Đại học Vinh);

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ thông báo số 93/TB-ĐHV ngày 01 tháng 7 năm 2024 về Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2083/QĐ-ĐHV ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc Thành lập lớp Bổ sung kiến thức cho thí sinh dự tuyển kỳ tuyển sinh Sau đại học đợt 1 năm 2024;


Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Sau đại học.


## QUYẾT ĐỊNH:


**Điều 1.** Công nhận điểm bổ sung kiến thức cho thí sinh dự tuyển Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2024 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Viện trưởng, Trường khoa có thí sinh bổ sung kiến thức, Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng,

Trưởng phòng Hành chính tổng hợp và các Ông, Bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- HĐ tuyển sinh;
- Lưu: HCTH, SDH 

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Trần Bá Tiên**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐIỂM BỔ SUNG KIẾN THỨC KỲ XÉT TUYỂN TUYỂN SINH SDH ĐỢT 1 NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số 2634/QĐ-DHV ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

về việc công nhận điểm BSKT kỳ xét tuyển tuyển sinh Sau đại học đợt 1 năm 2024)

| TT | Mã hồ sơ | Ngành/Họ và tên       | Ngày sinh  | Số môn BSKT | Môn học        |                        |                   |  | TBC  | Ghi chú |
|----|----------|-----------------------|------------|-------------|----------------|------------------------|-------------------|--|------|---------|
|    |          |                       |            |             | TCCT đương đại | Lịch sử tư tưởng chính | QLCT và cảm quyền |  |      |         |
| 1  | 82400324 | Ngô Thị Đức Anh       | 18/08/1989 | 3           | 8.3            | 7.8                    | 7.8               |  | 7.97 |         |
| 2  | 82400388 | Đinh Bá Duy           | 29/02/1988 | 3           | 8.2            | 7.2                    | 8.8               |  | 8.07 |         |
| 3  | 82400046 | Đặng Thị Thu Hằng     | 19/05/1987 | 3           | 8.5            | 8.1                    | 7.7               |  | 8.10 |         |
| 4  | 82400456 | Phan Thị Hương        | 02/02/1979 | 3           | 8.3            | 7.5                    | 8.3               |  | 8.03 |         |
| 5  | 82400338 | Hoàng Thị Thanh Huyền | 26/02/1980 | 3           | 8.3            | 8.2                    | 8.4               |  | 8.30 |         |
| 6  | 82400167 | Bùi Thị Liên          | 29/06/1987 | 3           | 8.8            | 8.1                    | 8.7               |  | 8.53 |         |
| 7  | 82400298 | Nhâm Thị Mến          | 20/10/1988 | 3           | 8.1            | 7.8                    | 8.3               |  | 8.07 |         |
| 8  | 82400164 | Trần Thị Nga          | 28/10/1994 | 3           | 7.8            | 7.0                    | 6.4               |  | 7.07 |         |
| 9  | 82400470 | Tổng Thị Thanh        | 19/08/1988 | 3           | 8.5            | 7.5                    | 6.7               |  | 7.57 |         |
| 10 | 82400323 | Vũ Thị Quỳnh Trang    | 16/01/1987 | 3           | 8.3            | 7.7                    | 7.0               |  | 7.67 |         |

|    |          |                            |            |   |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |
|----|----------|----------------------------|------------|---|-----|-----|-----|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|-----------|
| 11 | 82400454 | Trần Lê Hải Âu             | 06/10/1983 | 3 | -   | -   | -   | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | Không đạt |
| 12 | 82400423 | Hồ Tấn Đạt                 | 10/02/1984 | 3 | 8.5 | 8.4 | 8.3 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 8.40      |
| 13 | 82400277 | Trương Thanh Hải           | 02/04/1990 | 3 | 8.5 | 8.0 | 8.5 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 8.33      |
| 14 | 82400449 | Nguyễn Khắc Hậu            | 09/01/1987 | 3 | 8.5 | 7.6 | 7.3 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 7.80      |
| 15 | 82400342 | Tô Đức Kiên                | 04/06/1988 | 3 | 8.5 | 8.3 | 8.3 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 8.37      |
| 16 | 82400130 | Chu Hoài Lâm               | 01/11/1999 | 3 | 8.5 | 7.5 | 6.1 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 7.37      |
| 17 | 82400479 | Phạm Thị Ý Niệm            | 20/09/1982 | 3 | -   | -   | -   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | Không đạt |
| 18 | 82400132 | Nguyễn Văn Phúc            | 10/06/1997 | 3 | 8.8 | 8.4 | 8.5 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 8.57      |
| 19 | 82400273 | Nguyễn Minh Phúc           | 27/07/1996 | 3 | 8.5 | 8.4 | 8.6 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 8.50      |
| 20 | 82400485 | Trương Lê Thanh Thảo       | 12/10/1982 | 3 | 8.4 | 8.5 | 8.5 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 8.47      |
| 21 | 82400293 | Lý Khánh Thuận             | 01/10/1987 | 3 | 8.5 | 8.3 | 8.4 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 8.40      |
|    |          | <b>Công nghệ thông tin</b> |            |   |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |
|    |          |                            |            |   |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |
| 22 | 82400497 | Phan Sỹ Mỹ                 | 03/02/1982 | 7 | 7.0 | 7.5 | 6.5 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 7.26      |
|    |          |                            |            |   |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |
|    |          | <b>Giáo dục học (GDTH)</b> |            |   |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |           |
| 23 | 82400398 | Nguyễn Hà Anh              | 21/05/2002 | 3 | 8.5 | 9.0 | 9.0 |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   | 8.83      |



|    |          |  |            |   |                       |                          |                          |                        |                        |                          |                     |      |      |
|----|----------|--|------------|---|-----------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|---------------------|------|------|
| 35 | 82400116 | Trần Đình Thơ                              | 12/02/1981 | 7 | 8.0                   | 8.8                      | 9.3                      | 8.5                    | 9.0                    | 9.0                      | 9.0                 | 8.5  | 8.73 |
| 36 | 82400468 | Nguyễn Thị Thuý Trang                      | 07/07/2002 | 7 | 8.5                   | 8.8                      | 9.5                      | 8.8                    | 9.8                    | 8.6                      | 9.3                 | 9.04 |      |
| 37 | 82400041 | Hồ Bá Tu                                   | 02/09/1996 | 7 | 8.0                   | 8.8                      | 9.3                      | 8.8                    | 9.5                    | 9.0                      | 8.5                 | 8.84 |      |
|    |          | <b>Kỹ thuật xây dựng</b>                   |            |   | <b>KC nhà thép</b>    | <b>KC nhà BTCT</b>       | <b>TC thi công</b>       | <b>Cơ học kỹ thuật</b> | <b>Kết cấu thép</b>    | <b>Kỹ thuật thi công</b> | <b>Kết cấu BTCT</b> |      |      |
| 38 | 82400091 | Nguyễn Thái Hoàng                          | 22/05/1990 | 3 |                       |                          |                          |                        | 8.0                    | 7.0                      | 7.0                 | 7.33 |      |
| 39 | 82400165 | Nguyễn Thanh Hùng                          | 20/11/1987 | 7 | 8.0                   | 8.0                      | 7.0                      | 8.0                    | 8.0                    | 7.0                      | 7.0                 | 7.57 |      |
|    |          | <b>LL và lịch sử nhà nước và pháp luật</b> |            |   | <b>Luật Hiến pháp</b> | <b>LLNN và pháp luật</b> | <b>LSNN và pháp luật</b> | <b>LL về NN PQ</b>     | <b>Luật Hành chính</b> | <b>Luật dân sự</b>       | <b>Luật Hình sự</b> |      |      |
| 40 | 82400241 | Lý Hoàng Hải                               | 15/09/1999 | 7 | 6.8                   | 6.5                      | 6.0                      | 6.5                    | 8.0                    | 7.8                      | 7.5                 | 7.01 |      |
| 41 | 82400421 | Lê Thị Tâm                                 | 20/11/1996 | 3 | 7.3                   | 7.3                      | 7.3                      |                        |                        |                          |                     | 7.30 |      |
| 42 | 82400228 | Nguyễn Duy Bách                            | 14/12/2001 | 3 | 7.0                   | 7.5                      | 7.0                      |                        |                        |                          |                     | 7.17 |      |
| 43 | 82400251 | Nguyễn Thị Thuý                            | 16/12/1983 | 3 | 6.0                   | 6.5                      | 6.5                      |                        |                        |                          |                     | 6.33 |      |
|    |          | <b>LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh</b>         |            |   | <b>KTGD Tiếng Anh</b> | <b>KTĐG ngôn ngữ</b>     | <b>LLDH BM tiếng Anh</b> |                        |                        |                          |                     |      |      |
| 44 | 82400343 | Nguyễn Thị Liên Nhi                        | 09/08/1999 | 3 | 8.0                   | 6.8                      | 6.9                      |                        |                        |                          |                     | 7.23 |      |

|    |          | <b>Quản lý giáo dục</b>        |            |   |                      | <b>Đại cương QLGD</b> | <b>Tâm lý học quản lý</b> | <b>PTCT giáo dục</b>      |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  |                         |
|----|----------|--------------------------------|------------|---|----------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------|-------------------------|---------------------------|--|--|--|--|--|--|-------------------------|
| 45 | 82400283 | Đỗ Thị Kiều Liên               | 04/01/1994 | 3 | 7.0                  | 7.2                   | 7.7                       |                           |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  | Đã học 2 môn<br>Đ2 2023 |
| 46 | 82400180 | Nguyễn Phương Anh              | 10/12/2001 | 3 | 7.5                  | 6.4                   | 7.7                       |                           |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  | 7.20                    |
| 47 | 82400175 | Phạm Nguyễn Hoàng<br>Khánh Duy | 02/04/2001 | 3 | 7.6                  | -                     | 7.2                       |                           |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  | Không đạt               |
| 48 | 82400202 | Nguyễn Hữu Hồng                | 26/02/1983 | 3 | 7.4                  | 7.5                   | 7.2                       |                           |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  | 7.37                    |
| 49 | 82400086 | Trần Thị Lan                   | 05/05/1999 | 3 | 8.1                  | 6.3                   | 8.1                       |                           |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  | 7.50                    |
| 50 | 82400435 | Bùi Thị Liên                   | 12/07/1990 | 3 | 7.2                  | 7.4                   | 7.2                       |                           |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  | 7.27                    |
| 51 | 82400230 | Hồ Đức Ngọc                    | 12/09/1984 | 3 | 7.4                  | 7.2                   | 7.8                       |                           |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  | 7.47                    |
| 52 | 82400376 | Võ Thị Nguyệt                  | 25/11/1992 | 3 | 8.0                  | 7.2                   | 8.1                       |                           |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  | 7.77                    |
| 53 | 82400149 | Nguyễn Hữu Thanh               | 12/01/1988 | 3 | 7.7                  | 6.9                   | 7.4                       |                           |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  | 7.33                    |
| 54 | 82400325 | Đặng Thị Cẩm Tú                | 13/05/2002 | 3 | 8.1                  | 7.2                   | 7.9                       |                           |                        |                         |                           |  |  |  |  |  |  | 7.73                    |
|    |          | <b>Quản lý kinh tế</b>         |            |   | <b>Kinh tế vĩ mô</b> | <b>Kinh tế vi mô</b>  | <b>TTDP và giao tiếp</b>  | <b>QL PTKT địa phương</b> | <b>QLNN về kinh tế</b> | <b>Khoa học quản lý</b> | <b>Chính sách kinh tế</b> |  |  |  |  |  |  |                         |
| 55 | 82400346 | Đinh Nguyễn Thảo An            | 10/06/2001 | 3 |                      |                       |                           |                           | 8.5                    | 9.5                     | 9.3                       |  |  |  |  |  |  | 9.10                    |
| 56 | 82400063 | Hà Huy Tuấn Anh                | 06/09/1991 | 3 |                      |                       |                           |                           | 7.5                    | 8.0                     | 7.8                       |  |  |  |  |  |  | 7.77                    |

|    |          |                        |            |   |  |  |  |  |  |  |     |     |     |      |                         |
|----|----------|------------------------|------------|---|--|--|--|--|--|--|-----|-----|-----|------|-------------------------|
| 57 | 82400505 | Trần Thị Quỳnh Chi     | 10/02/1999 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 9.5 | 9.3 | 8.93 | Môn KHQL<br>lấy điểm ĐH |
| 58 | 82400378 | Nguyễn Thị Mai Chinh   | 12/08/2001 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 9.0 | 9.2 | 8.73 |                         |
| 59 | 82400068 | Nguyễn Đức Cường       | 13/11/1992 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 7.5 | 8.3 | 7.93 |                         |
| 60 | 82400506 | Nguyễn Trần Khánh Diệp | 30/04/1996 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.5 | 9.5 | 9.3 | 9.10 |                         |
| 61 | 82400501 | Kiều Thị Ngọc Dung     | 01/02/1989 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 9.0 | 8.9 | 8.63 |                         |
| 62 | 82400139 | Lương Thị Thu Hà       | 20/08/1988 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 7.5 | 9.2 | 8.23 |                         |
| 63 | 82400159 | Hồ Thị Thu Hiền        | 12/10/1997 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 8.5 | 8.9 | 8.47 |                         |
| 64 | 82400278 | Ché Minh Hiếu          | 24/12/1997 | 3 |  |  |  |  |  |  | 7.5 | 9.5 | 8.3 | 8.43 |                         |
| 65 | 82400185 | Hà Huy Hùng            | 17/10/1999 | 3 |  |  |  |  |  |  | 7.0 | 8.0 | 8.4 | 7.80 |                         |
| 66 | 82400365 | Nguyễn Đình Hùng       | 27/09/2000 | 3 |  |  |  |  |  |  | 7.5 | 9.0 | 8.9 | 8.47 |                         |
| 67 | 82400389 | Võ Thảo Linh           | 14/07/2002 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 9.0 | 9.3 | 8.77 |                         |
| 68 | 82400510 | Nguyễn Thị Hiền Ly     | 23/08/2002 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 9.0 | 8.7 | 8.57 |                         |
| 69 | 82400003 | Phạm Thảo My           | 05/03/2001 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 9.5 | 8.7 | 8.73 |                         |
| 70 | 82400021 | Trương Thị Na          | 13/02/1993 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 8.5 | 8.2 | 8.23 |                         |
| 71 | 82400309 | Nguyễn Thị Kim Ngân    | 10/01/2001 | 3 |  |  |  |  |  |  | 7.5 | 8.5 | 8.7 | 8.23 |                         |
| 72 | 82400464 | Le Thị Thanh Tam       | 20/05/1985 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 9.0 | 9.3 | 8.77 |                         |
| 73 | 82400069 | Phạm Thị Thám          | 14/05/1988 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 9.0 | 8.2 | 8.40 |                         |
| 74 | 82400500 | Nguyễn Diệu Thúy       | 12/11/2001 | 3 |  |  |  |  |  |  | 7.5 | 8.0 | 8.7 | 8.07 |                         |
| 75 | 82400295 | Nguyễn Thị Thủy        | 17/05/1986 | 3 |  |  |  |  |  |  | 7.0 | 8.0 | 9.2 | 8.07 |                         |
| 76 | 82400281 | Nguyễn Tất An Thuyên   | 10/08/2001 | 3 |  |  |  |  |  |  | 8.0 | 8.5 | 9.2 | 8.57 | Môn KHQL<br>lấy điểm ĐH |

|    |          |                        |            |   |     |     |     |     |     |     |     |     |      |                         |
|----|----------|------------------------|------------|---|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|-------------------------|
| 77 | 82400386 | Đoàn Phan Quỳnh Trang  | 10/02/2002 | 3 |     |     |     |     |     | 7.5 | 9.0 | 8.9 | 8.47 |                         |
| 78 | 82400207 | Nguyễn Tuấn Vũ         | 29/01/1997 | 3 |     |     |     |     |     | 8.0 | 7.5 | 8.2 | 7.90 |                         |
| 79 | 82400279 | Lê Thị Việt Hà         | 02/06/1997 | 7 | 9.3 | 8.5 | 9.0 | 8.5 | 8.5 | 8.5 | 8.8 | 8.8 | 8.73 |                         |
| 80 | 82400057 | Nguyễn Đình Hùng       | 13/03/2001 | 7 | 9.4 | 8.8 | 8.7 | 8.3 | 7.5 | 8.5 | 8.3 | 8.3 | 8.50 |                         |
| 81 | 82400099 | Trần Thị Huyền         | 04/07/1997 | 7 | 9.4 | 8.5 | 8.8 | 8.0 | 8.0 | 8.0 | 8.3 | 8.3 | 8.43 |                         |
| 82 | 82400496 | Phạm Văn Khánh         | 02/09/1996 | 7 | 9.0 | 8.5 | 8.7 | 8.5 | 8.0 | 8.0 | 8.5 | 8.5 | 8.46 |                         |
| 83 | 82400502 | Nguyễn Dương Đăng Khoa | 29/08/1987 | 7 | 9.0 | 8.5 | 9.0 | 8.5 | 7.5 | 9.0 | 8.5 | 8.5 | 8.57 |                         |
| 84 | 82400255 | Đinh Thị Quỳnh Nga     | 25/03/1996 | 7 | 9.6 | 8.8 | 8.8 | 8.8 | 7.5 | 9.0 | 9.3 | 9.3 | 8.83 |                         |
| 85 | 82400249 | Trần Quốc Quân         | 15/11/1981 | 7 | 9.4 | 8.8 | 9.0 | 8.0 | 8.0 | 8.0 | 8.3 | 8.3 | 8.50 |                         |
| 86 | 82400023 | Lê Đình Quý            | 02/02/1999 | 7 | 9.3 | 9.3 | 9.5 | 8.3 | 8.0 | 9.5 | 9.0 | 9.0 | 8.99 |                         |
| 87 | 82400358 | Nguyễn Văn Sự          | 23/06/1995 | 7 | 9.6 | 8.5 | 8.5 | 8.3 | 8.0 | 8.0 | 9.3 | 9.3 | 8.60 |                         |
| 88 | 82400217 | Lê Văn Thức            | 20/07/1985 | 7 | 9.6 | 8.5 | 9.5 | 8.8 | 7.5 | 9.0 | 9.0 | 9.0 | 8.84 |                         |
| 89 | 82400391 | Nguyễn Thị Thu Trang   | 23/10/2000 | 7 | 9.6 | 9.5 | 9.5 | 9.0 | 8.5 | 9.0 | 9.0 | 9.0 | 9.16 |                         |
| 90 | 82400429 | Đặng Huyền Trâm        | 25/09/1991 | 7 | 9.6 | 8.5 | 8.7 | 8.3 | 8.0 | 9.5 | 9.3 | 9.3 | 8.84 |                         |
| 91 | 82400460 | Phan Công Đức          | 18/08/1998 | 7 | 8.0 | 7.5 | 8.8 | 8.0 | 7.0 | 8.0 | 7.0 | 7.0 | 7.76 | Đã học 4 môn<br>Đ2 2023 |
| 92 | 82400467 | Nguyễn Thị Kim Oanh    | 07/11/1988 | 7 | 8.5 | 8.0 | 9.5 | 9.0 | 7.5 | 9.0 | 7.0 | 7.0 | 8.36 | Đã học 4 môn<br>Đ2 2023 |

|     | Quản trị kinh doanh |                             |            | Kinh tế vĩ mô | Kinh tế vi mô    | QT nhân lực        | QT chiến lược          | QT doanh nghiệp | Quản trị học | MKT căn bản |      |
|-----|---------------------|-----------------------------|------------|---------------|------------------|--------------------|------------------------|-----------------|--------------|-------------|------|
| 93  | 82400310            | Hoàng Đình Bảo Trung        | 04/07/2000 | 7             | 8.0              | 8.8                | 8.0                    | 8.5             | 8.5          | 8.8         | 8.23 |
| 94  | 82400363            | Nguyễn Phan Công Trí        | 08/03/2002 | 7             | 8.8              | 8.8                | 8.3                    | 8.0             | 7.0          | 8.3         | 8.21 |
| 95  | 82400100            | Nguyễn Văn Học              | 16/12/1980 | 7             | 9.3              | 8.8                | 8.8                    | 9.0             | 8.8          | 8.6         | 8.90 |
| 96  | 82400383            | Phạm Thị Ngân               | 19/09/1991 | 7             | 9.5              | 9.0                | 7.5                    | 8.8             | 8.3          | 9.5         | 8.73 |
| 97  | 82400350            | Phan Đức Thắng              | 12/02/1980 | 7             | 9.0              | 7.0                | 7.8                    | 8.5             | 8.5          | 7.5         | 8.04 |
| 98  | 82400220            | Phan Thị Hiền               | 23/02/2000 | 3             |                  |                    |                        |                 | 8.8          | 9.0         | 8.70 |
| 99  | 82400018            | Võ Thị Lam                  | 04/02/1993 | 3             |                  |                    |                        |                 | 8.3          | 9.5         | 8.70 |
| 100 | 82400265            | Lê Đình Lâm                 | 10/12/2001 | 3             |                  |                    |                        |                 | 8.5          | 8.3         | 8.37 |
| 101 | 82400437            | Đình Lê Na                  | 15/08/2000 | 3             |                  |                    |                        |                 | 9.0          | 8.8         | 8.87 |
|     |                     | <b>Sinh học thực nghiệm</b> |            |               | Tế bào - Mô phôi | Sinh học đại cương | <b>ĐDSH và bảo tồn</b> |                 |              |             |      |
| 102 | 82400372            | Lê Hồng Hà                  | 03/03/1982 | 3             | 9.0              | 8.8                | 8.5                    |                 |              |             | 8.77 |

Danh sách gồm 102 thí sinh học BSKT./.